TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **448**/2020/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 30 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Võ Thị Như H, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số 466/10, đường Q, phường K, quận K, Thành phố H.

Người yêu cầu: Ông Trần Đức I, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Số 743/74, đường B, Phường S, Quận L, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Như H ông Trần Đức I tự nguyện sống chung từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 04/02/2005 do UBND Phường S, Quận L, Thành phố H cấp.

Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, giữa hai bên thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không I hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, cải vã với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn dù hai bên đã nhiều lần tự hòa giải. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà H và ông I có 02 con chung là Trần Xuân A, sinh ngày 03/3/2005 và Trần Huy K, sinh ngày 18/7/2017. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông I tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà H và ông I xác định không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Như H và ông Trần Đức I thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà H và ông I chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 04/02/2005 do UBND Phường S, Quận L, Thành phố H cấp cho bà H và ông I không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Bà H và ông I có 02 con chung là Trần Xuân A, sinh ngày 03/3/2005 và Trần Huy K, sinh ngày 18/7/2017. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà H và ông I xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà H và ông I xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Võ Thị Như H và ông Trần Đức I chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà H và ông I đã nộp theo Biên lai thu số 0020917 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND Phường S, Quận L, Thành phố H;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)